

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT:
“TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MÁY MÓC PHỤ TÙNG CỦA VIỆT NAM
VỚI THỊ TRƯỜNG CPTPP THÁNG 7/2026”

Thuộc nhiệm vụ: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai Hiệp định CPTPP” năm 2026

Hà Nội, năm 2026

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KHÁC TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP	4
1.1. Tổng quan hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP	4
1.2. Về thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP	5
1.3. Về chủng loại máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng nhập khẩu từ thị trường CPTPP	8
II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP.....	12
III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG	19

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ các thị trường lớn thuộc CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026	8
Bảng 2: Thị trường cung cấp máy xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2026.....	9
Bảng 3: Thị trường cung cấp chủng loại đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer trong 6 tháng đầu năm 2026	9
Bảng 4: Thị trường cung cấp máy sản xuất nhựa, cao su trong 6 tháng đầu năm 2026..	10
Bảng 5: Thị trường cung cấp thiết bị đầu nối khác trong 6 tháng đầu năm 2026	11
Bảng 6: Thị trường cung cấp phụ tùng của các loại máy khác trong 6 tháng đầu năm 2026.....	11
Bảng 7: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Nhật Bản sang các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026	13
Bảng 8: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Nhật Bản sang các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026	15
Bảng 9: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Malaysia sang các thị trường trong 5 tháng đầu năm 2026	16
Bảng 10: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Malaysia sang các thị trường trong 5 tháng đầu năm 2026.....	18

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu 1: Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong thời gian 2025 - 2026.....	5
Biểu 2: Cơ cấu thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 và 2026	6

TÓM TẮT

Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác của thị trường Việt Nam trong năm 2026 tiếp tục tăng trưởng mạnh, đóng vai trò là nguồn vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất trọng điểm cho toàn bộ khối doanh nghiệp FDI và công nghiệp chế biến chế tạo trong nước.

Theo ước tính, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác (*viết tắt là “máy móc, thiết bị”*) của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong tháng 7/2026 ước đạt 700 triệu USD, tăng khoảng 1,7% so với tháng 6/2026 và tăng 19,4% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường CPTPP của Việt Nam ước đạt 4,65 tỷ USD, tăng khoảng 20,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong tháng 6/2026 đạt 688,3 triệu USD, giảm 1,5% so với tháng 5/2026, nhưng tăng 23,3% so với tháng 6/2025. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam đạt 3,95 tỷ USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 11,5% tổng kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam ghi nhận những bước bứt phá mạnh mẽ và duy trì đà tăng trưởng vững chắc, với kim ngạch nhập khẩu tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù chiếm thị phần thấp hơn khá nhiều so với nguồn cung từ Trung Quốc, nhưng với quy mô chiếm 11,5% tỷ trọng, nhóm thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giữ vị thế là nguồn cung cấp thiết bị và công nghệ cao cấp máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng lớn thứ hai của Việt Nam. Đây là dòng sản phẩm quan trọng giúp các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực sản xuất chiều sâu.

6 tháng đầu năm 2026, tỷ trọng nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ hầu hết các thị trường thuộc CPTPP có sự thay đổi so với cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng giảm từ các thị trường Nhật Bản và Canada, tăng từ các thị trường Malaysia, Singapore, Anh, Mêhicô, giữ nguyên ở thị trường Australia và New Zealand...

Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ hầu hết các thị trường thuộc CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026 đều tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2025, tăng mạnh nhất là thị trường Singapore ở mức ba con số, tiếp theo là thị trường Malaysia tăng ở mức hai con số...

Trong 6 tháng cuối năm 2026, hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng từ các quốc gia thành viên CPTPP vào Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định.

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KHÁC TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP

Theo ước tính, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác (*viết tắt là “máy móc, thiết bị”*) của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong tháng 7/2026 đạt khoảng 700 triệu USD, tăng 1,7% so với tháng 6/2026 và tăng 19,4% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam ước đạt 4,65 tỷ USD, tăng khoảng 20,6% so với cùng kỳ năm 2025.

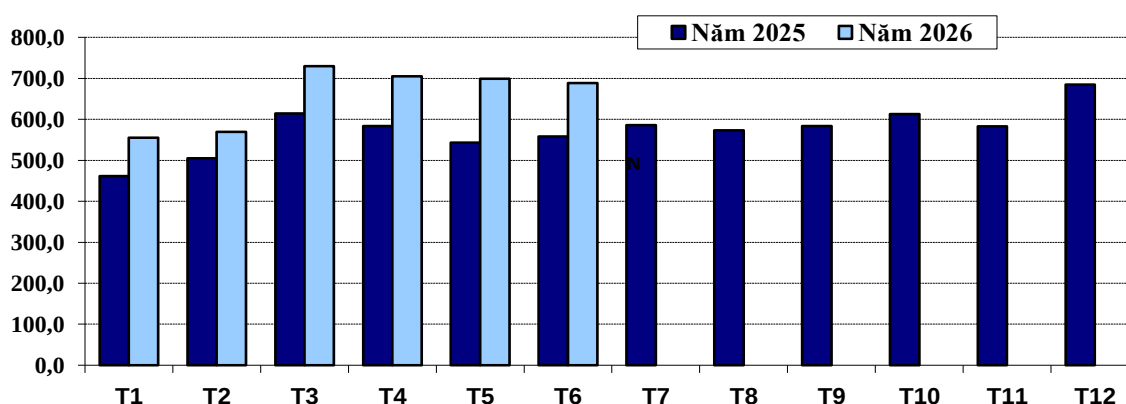
1.1. Tổng quan hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP

Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong tháng 6/2026 đạt 688,3 triệu USD, giảm 1,5% so với tháng 5/2026, nhưng tăng 23,3% so với tháng 6/2025. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam đạt 3,95 tỷ USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 11,5% tổng kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam ghi nhận những bước bứt phá mạnh mẽ và duy trì đà

tăng trưởng vững chắc, với kim ngạch nhập khẩu tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù chiếm thị phần thấp hơn khá nhiều so với nguồn cung từ Trung Quốc, nhưng với quy mô đạt 3,95 tỷ USD, chiếm 11,5% tỷ trọng, nhóm thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giữ vị trí là nguồn cung máy móc, thiết bị lớn thứ hai của Việt Nam.

Biểu 1: Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong thời gian 2025 – 2026 (triệu USD)



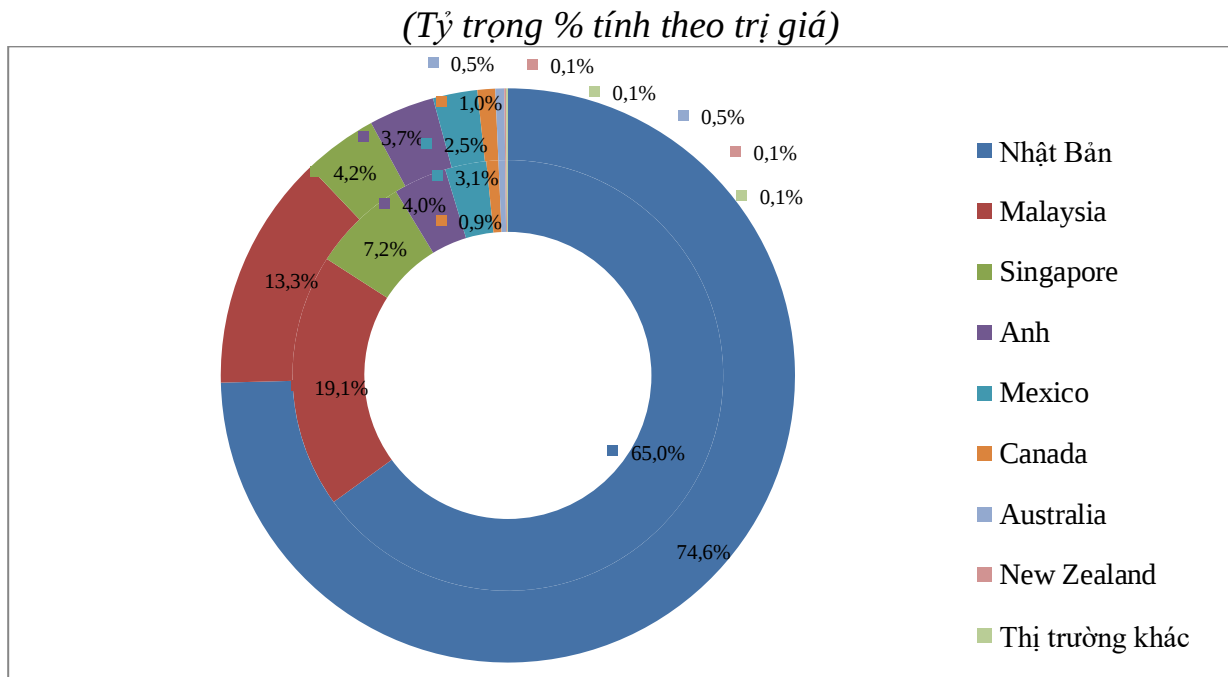
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

1.2. Về thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP

6 tháng đầu năm 2026, tỷ trọng nhập khẩu nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ hầu hết các thị trường thành viên CPTPP có sự thay đổi so với cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng giảm ở các thị trường Nhật Bản và Canada, tăng ở các thị trường Malaysia, Singapore, Anh, Mêhicô, giữ nguyên ở thị trường Australia và New Zealand...

Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ hầu hết các thị trường thuộc CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026 đều tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2025, tăng mạnh nhất là thị trường Singapore (tăng 109,3%), tiếp theo là thị trường Malaysia (tăng 72,9%),...

Biểu 2: Cơ cấu thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 và 2026



* Ghi chú: 6 tháng đầu năm 2026 (vòng trong) và 6 tháng đầu năm 2025 (vòng ngoài)

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Nhật Bản giữ vai trò là nguồn cung máy móc, thiết bị lớn nhất cho thị trường Việt Nam trong CPTPP với kim ngạch đạt 2,566 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng này cho thấy ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong nước vẫn phụ thuộc lớn và bền vững vào nguồn công nghệ từ Nhật Bản. Tuy nhiên, việc tỷ trọng nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của toàn khối CPTPP giảm từ 74,6% trong 6 tháng đầu năm 2025 xuống còn 65% trong 6 tháng đầu năm 2026 cho thấy xu hướng đa dạng hóa nguồn cung đang diễn ra mạnh mẽ. Các doanh nghiệp trong nước đã chủ động mở rộng nhập khẩu từ các quốc gia thành viên khác trong khối, nhằm giảm thiểu rủi ro do phụ thuộc vào thị trường Nhật Bản.

Malaysia đứng thứ hai trong nhóm CPTPP về cung cấp mặt hàng này cho Việt Nam, đạt 753,2 triệu USD, tăng 72,9% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy vai trò của

Malaysia trong cơ cấu nguồn cung máy móc, thiết bị từ CPTPP đang gia tăng, nhờ lợi thế về giá thành và chi phí vận chuyển tối ưu trong khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra, việc giảm thuế về 0% theo lộ trình cam kết của CPTPP đã thúc đẩy mạnh mẽ luồng giao thương máy móc, thiết bị giữa Malaysia và Việt Nam, giúp sản phẩm từ thị trường này có giá cạnh tranh hơn. So với nhóm máy móc công nghệ cao, độ chính xác cao từ Nhật Bản, Malaysia đáp ứng rất tốt nhu cầu của Việt Nam về các dòng máy móc, linh kiện và thiết bị phụ trợ tầm trung, phù hợp với các nhà máy vệ tinh đang mở rộng quy mô.

Tương tự, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường Singapore về Việt Nam cũng tăng rất mạnh trong 6 tháng đầu năm 2026, đạt 285,3 triệu USD, tăng 109,3% so với cùng kỳ năm 2025. Cùng với đó, tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026 ở mức 7,2%, cao hơn so với tỷ trọng 4,2% trong 6 tháng đầu năm 2025. Hiện nay, Singapore là một trong những quốc gia có lượng vốn FDI lớn tại Việt Nam. Việc kim ngạch nhập khẩu máy móc tăng mạnh có thể phản ánh nhu cầu đưa trang thiết bị hiện đại vào Việt Nam của các doanh nghiệp Singapore để triển khai các dự án hạ tầng, khu công nghiệp và công nghệ cao. Ngoài ra, với vai trò là một trung tâm trung chuyển hàng hóa và thiết bị công nghệ cao của khu vực, Singapore có thể là đầu mối để Việt Nam nhập khẩu các thiết bị, linh kiện kỹ thuật số, chip bán dẫn và thiết bị tự động hóa có nguồn gốc từ nhiều thị trường trên thế giới.

Bên cạnh nhóm thị trường chủ lực châu Á, một số thị trường CPTPP khác nổi lên với tốc độ tăng trưởng cao, trong đó nhập khẩu từ thị trường Anh đạt 159,2 triệu USD, tăng 30,2%; thị trường Mêhicô đạt 120,4 triệu USD, tăng 46,8%; Canada đạt 37,2 triệu USD, tăng 12,6%; Australia đạt 21,3 triệu USD, tăng 38,6%; New Zealand đạt 4,8 triệu USD, tăng 16,3%;... Mức tăng ở các thị trường này cho thấy xu hướng đa dạng hóa nguồn cung mang tính chiến lược của các doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam, dịch chuyển dần từ các nguồn cung truyền thống sang các quốc gia có lợi thế

công nghệ cao và lộ trình giảm thuế sâu trong khối CPTPP. Đồng thời, tốc độ tăng trưởng mạnh từ nhóm thị trường châu Mỹ (Mêhicô, Canada) và động lực mới từ thị trường Anh, phản ánh nỗ lực phân tán rủi ro logistics toàn cầu trong bối cảnh các biến động địa chính trị, giúp thị trường Việt Nam tiếp cận nguồn máy móc kỹ thuật tiên tiến phục vụ quá trình chuyển đổi sản xuất theo hướng xanh và hiện đại.

Bảng 1: Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ các thị trường lớn thuộc CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	688.332	-1,5	23,3	3.946.834	20,8	100,0	100,0
Nhật Bản	461.484	5,4	18,5	2.565.563	5,2	65,0	74,6
Malaysia	116.266	-7,1	24,6	753.191	72,9	19,1	13,3
Singapore	44.451	-22,7	33,1	285.264	109,3	7,2	4,2
Anh	26.142	-49,7	42,6	159.166	30,2	4,0	3,7
Mêhicô	25.261	75,5	112,7	120.393	46,8	3,1	2,5
Canada	9.067	23,0	14,5	37.150	12,6	0,9	1,0
Australia	4.872	24,4	75,0	21.270	36,8	0,5	0,5
New Zealand	788	-22,1	-31,7	4.837	16,3	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.3. Về chủng loại máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng nhập khẩu từ thị trường CPTPP

+ **Máy xây dựng:** Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu máy xây dựng từ thị trường CPTPP về Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 165,6 triệu USD, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2025. Nhập khẩu máy xây dựng từ thị trường CPTPP tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu là do nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, ngoài ra còn nhập khẩu lớn từ thị trường Australia và Canada, với kim ngạch nhập khẩu đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2025.

Bảng 2: Thị trường cung cấp máy xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	6 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Nhật Bản	156.500	109.517	42,9
Australia	6.619	3.856	71,7
Canada	1.307	384	240,4
Singapore	619	517	19,8
New Zealand	192	386	-50,4
Chilê	191	121	57,9
Anh	70	232	-69,6
Malaysia	68		
Tổng	165.566	115.013	44,0

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer từ CPTPP về Việt Nam đạt 88,1 triệu USD, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Nhật Bản là thị trường cung cấp lớn nhất, tiếp theo là Singapore, Malaysia...Đáng chú ý, nhập khẩu từ hai thị trường Canada và Chilê tăng mạnh.

Bảng 3: Thị trường cung cấp chủng loại đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	6 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Nhật Bản	69.298	78.663	-11,9
Singapore	16.275	38.170	-57,4
Malaysia	1.271	2.144	-40,7
Anh	940	1.559	-39,7
Canada	249	109	129,7
Mêhicô	18	254	-93,0
Chilê	15	9	66,9

Thị trường	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	6 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
New Zealand	14		
Australia	8	49	-83,3
Tổng	88.088	120.956	-27,2

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Máy sản xuất nhựa, cao su

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu máy sản xuất nhựa, cao su từ CPTPP về Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 56 triệu USD, giảm 2,1% so cùng kỳ năm 2025. Nhập khẩu máy sản xuất nhựa, cao su từ CPTPP giảm so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu là do nhập khẩu từ thị trường chính là thị trường Nhật Bản giảm.

**Bảng 4: Thị trường cung cấp máy sản xuất nhựa, cao su
trong 6 tháng đầu năm 2026**

Thị trường	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	6 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Nhật Bản	50.231	50.631	-0,8
Malaysia	3.573	1.980	80,5
Singapore	1.237	1.078	14,7
Anh	529	112	370,8
Mêhicô	343		
Australia	34	479	-92,8
Canada	19	2.863	-99,3
Tổng	55.966	57.142	-2,1

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Thiết bị đầu nổi khác

Trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu thiết bị đầu nổi khác từ CPTPP về Việt Nam đạt 37,9 triệu USD, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Nhật Bản là thị trường cung cấp lớn nhất, tiếp theo là Singapore, Malaysia...

Bảng 5: Thị trường cung cấp thiết bị đầu nối khác trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	6 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Nhật Bản	26.801	29.977	-10,6
Singapore	8.291	12.935	-35,9
Malaysia	2.319	2.082	11,4
Mêhicô	305	212	43,9
Anh	92	46	99,8
Australia	67	43	55,8
Canada	52	21	151,1
New Zealand	2	12	-83,3
Brunei		1	
Tổng	37.930	45.331	-16,3

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Phụ tùng của các loại máy khác

Trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu phụ tùng của các loại máy khác từ CPTPP về Việt Nam đạt 14,3 triệu USD, giảm 52,1% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó, nhập khẩu nhiều từ 3 thị trường Nhật Bản, Singapore, Malaysia.

Bảng 6: Thị trường cung cấp chủng loại phụ tùng của các loại máy khác trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	6 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Nhật Bản	8.689	18.719	-53,6
Singapore	3.419	5.580	-38,7
Malaysia	1.673	641	161,0
Australia	279	4.662	-94,0
Chilê	112	0	
Anh	59	159	-63,2
Canada	55	120	-53,9
Mêhicô	14	8	80,9
Brunei	4		
Tổng	14.303	29.888	-52,1

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP

*** Đánh giá chung:**

Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu máy móc, thiết bị của thị trường Việt Nam trong năm 2026 tiếp tục tăng trưởng mạnh nhằm phục vụ sản xuất của khối doanh nghiệp FDI và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong nước.

Xét về tính cạnh tranh giữa các nguồn cung lớn khối CPTPP, hai thị trường Nhật Bản và Malaysia nắm giữ lợi thế cạnh tranh đáng kể ở các phân khúc máy móc, thiết bị công nghệ cao. Nhật Bản giữ vị trí hàng đầu về công nghệ nguồn, máy công cụ điều khiển số (CNC) và robot tự động hóa. Trong khi đó, Malaysia có lợi thế về chi phí và khả năng cung ứng trong phân khúc linh kiện vi mạch, thiết bị bán dẫn và bo mạch điện tử công nghiệp nhờ lợi thế khoảng cách địa lý gần và hệ sinh thái liên kết sẵn có trong khu vực Đông Nam Á.

Ngược lại, năng lực cạnh tranh của các nguồn cung từ khu vực châu Mỹ như Mêhicô và Peru đối với thị trường Việt Nam còn tương đối hạn chế. Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng từ Mêhicô vào Việt Nam còn chiếm tỷ trọng nhỏ, một phần do chi phí logistics và khoảng cách địa lý lớn, nên chủ yếu đáp ứng một số nhu cầu chuyên biệt trong các phân khúc nhất định.

***Thị trường Nhật Bản**

Ngành công nghiệp máy móc và thiết bị kỹ thuật Nhật Bản là ngành mũi nhọn của nền kinh tế nước này, chiếm khoảng 11% thị phần thương mại toàn cầu. Nhật Bản duy trì năng lực cạnh tranh vượt trội ở các khâu chế tạo công nghệ cao như máy công cụ CNC, robot công nghiệp (chiếm 38% nguồn cung thế giới), tự động hóa nhà máy và thiết bị xây dựng hạng nặng. Đối với Việt Nam, máy móc, thiết bị từ Nhật Bản được nhiều doanh nghiệp ưu tiên lựa chọn nhờ độ bền, độ chính xác và khả năng tiết kiệm năng lượng, đồng thời là nguồn cung quan trọng phục vụ quá trình hiện đại hóa sản xuất trong nước.

Bước sang giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026, ngành chế tạo máy móc của Nhật Bản tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng mạnh về đơn đặt hàng. Theo dữ liệu mới nhất

từ Hiệp hội các nhà sản xuất máy công cụ Nhật Bản (JMTBA), lượng đơn đặt hàng máy móc tính riêng trong tháng 6/2026 tăng 52,8% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng giá trị đơn hàng trong 6 tháng đầu năm 2026 tăng 35,7%. Diễn biến này cho thấy nhu cầu đối với máy móc, thiết bị của Nhật Bản trên thị trường quốc tế đang có xu hướng tăng, qua đó mở rộng khả năng cung ứng của Nhật Bản đối với các thị trường nhập khẩu, trong đó có Việt Nam.

Tình hình xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Nhật Bản

Theo thống kê của ITC, xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 65,4 tỷ USD, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Mỹ là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 84 của Nhật Bản, chiếm 23% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Tiếp đến là Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan...

Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Nhật Bản sang Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 1,39 tỷ USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 2,1% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Nhật Bản. Mặc dù tỷ trọng còn khiêm tốn so với các thị trường nhập khẩu lớn nhất, mức tăng trưởng hai con số cho thấy nhu cầu của thị trường Việt Nam đối với máy móc, thiết bị cơ khí từ Nhật Bản đang duy trì xu hướng tích cực.

Bảng 7: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Nhật Bản sang các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	65.363.104	0,7	100,0	100,0
Mỹ	15.043.991	-3,1	23,0	23,9
Trung Quốc	13.889.869	-4,9	21,3	22,5
Đài Loan	5.878.831	5,0	9,0	8,6
Hàn Quốc	5.199.408	6,6	8,0	7,5

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Thái Lan	2.373.593	1,4	3,6	3,6
Hà Lan	1.860.310	10,8	2,8	2,6
Ấn Độ	1.575.005	-5,1	2,4	2,6
Singapore	1.488.542	9,4	2,3	2,1
Việt Nam	1.386.274	10,8	2,1	1,9
Đức	1.461.887	11,4	2,2	2,0
Anh	1.417.301	25,0	2,2	1,7
Indonesia	1.303.187	-13,6	2,0	2,3
Malaysia	1.134.457	14,9	1,7	1,5
Mêhicô	947.770	-3,4	1,5	1,5
Pháp	749.788	32,6	1,1	0,9
Australia	783.164	8,8	1,2	1,1
Bỉ	689.763	26,3	1,1	0,8
Hồng Kông	635.059	15,3	1,0	0,8

Nguồn: Theo thống kê của ITC

Nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Nhật Bản

Theo thống kê của ITC, nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 58,6 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2025.

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 85 của Nhật Bản, chiếm 21,4% tỷ trọng. Tiếp đến là Đài Loan, Mỹ, Hồng Kông, Hàn Quốc, Thái Lan...

Đáng chú ý, Việt Nam là một trong những thị trường có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu HS 85 từ Nhật Bản cao, với kim ngạch xuất khẩu sang Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 2,71 tỷ USD, tăng 38,3% so với cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng của

Việt Nam cũng tăng từ 4,0% trong 6 tháng đầu năm 2025 lên 4,6% trong 6 tháng đầu năm 2026, cho thấy vị thế của thị trường Việt Nam trong cơ cấu xuất khẩu nhóm hàng HS 85 của Nhật Bản đang được cải thiện.

Bảng 8: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Nhật Bản sang các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	58.616.595	18,1	100,0	100,0
Trung Quốc	12.544.664	21,3	21,4	20,8
Đài Loan	8.354.160	35,8	14,3	12,4
Mỹ	8.295.069	7,3	14,2	15,6
Hồng Kông	5.636.131	14,3	9,6	9,9
Hàn Quốc	3.348.875	4,9	5,7	6,4
Thái Lan	2.780.518	15,4	4,7	4,9
Việt Nam	2.714.958	38,3	4,6	4,0
Malaysia	2.093.293	26,3	3,6	3,3
Singapore	1.722.396	22,2	2,9	2,8
Đức	1.632.734	13,2	2,8	2,9
Philippin	1.234.486	13,8	2,1	2,2
Mêhicô	1.191.926	18,1	2,0	2,0
Ấn Độ	1.180.593	16,7	2,0	2,0
Hà Lan	970.193	3,9	1,7	1,9
Indonesia	594.129	11,0	1,0	1,1
Canada	524.978	58,5	0,9	0,7
Cộng Hoà Séc	522.934	25,9	0,9	0,8
Pháp	436.166	6,8	0,7	0,8

Nguồn: Theo thống kê của ITC

***Thị trường Malaysia**

Tại khu vực Đông Nam Á, Malaysia là một trong những trung tâm sản xuất và xuất khẩu thiết bị công nghiệp quan trọng, đồng thời là đối tác cung ứng máy móc lớn

thứ hai của Việt Nam trong khối CPTPP. Trong cơ cấu nhóm hàng này của Malaysia, dẫn đầu là phân khúc máy móc điện, thiết bị bán dẫn và linh kiện vi mạch, tiếp theo là nhóm máy móc cơ khí cùng các thiết bị chuyên dụng phục vụ hạ tầng công nghệ và trung tâm dữ liệu.

Tình hình xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Malaysia

Theo thống kê của ITC, xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Malaysia trong 5 tháng đầu năm 2026 đạt 17,4 tỷ USD, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2025. Singapore và Mỹ là hai thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 84 của Malaysia, chiếm lần lượt 19% và 17,1% tỷ trọng. Tiếp đến là Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc,...

Trong khi đó, Việt Nam là thị trường nhập khẩu lớn thứ 6 nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Malaysia, với kim ngạch đạt 915,1 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2026, tăng 112,2% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 5,5% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Malaysia trong 5 tháng đầu năm 2026. Mức tăng trưởng hơn 100% cho thấy nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị cơ khí từ Malaysia của Việt Nam đang tăng mạnh, qua đó củng cố vị trí của Việt Nam trong nhóm các thị trường xuất khẩu HS 84 chủ lực của Malaysia.

Bảng 9: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Malaysia sang các thị trường trong 5 tháng đầu năm 2026

Thị trường	5 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			5 tháng năm 2026	5 tháng năm 2025
Tổng	17.413.471	2,8	100,0	100,0
Singapore	3.313.544	-7,7	19,0	21,2
Mỹ	2.976.884	-24,8	17,1	23,4
Trung Quốc	1.065.539	-18,4	6,1	7,7
Đài Loan	1.062.421	65,1	6,1	3,8
Hàn Quốc	971.611	124,4	5,6	2,6
Việt Nam	951.104	112,2	5,5	2,6

Thị trường	5 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			5 tháng năm 2026	5 tháng năm 2025
Ấn Độ	804.247	48,8	4,6	3,2
Thái Lan	749.067	7,2	4,3	4,1
Australia	739.148	70,3	4,2	2,6
Nhật Bản	573.661	68,0	3,3	2,0
Indonesia	438.427	-5,3	2,5	2,7
Đức	432.695	-38,6	2,5	4,2
Hà Lan	401.976	54,3	2,3	1,5
Mêhicô	352.445	-57,3	2,0	4,9
Hồng Kông	342.213	-9,6	2,0	2,2
Philippin	241.758	16,0	1,4	1,2
Anh	220.217	22,0	1,3	1,1
Hunggary	182.481	118,8	1,0	0,5

Nguồn: Theo thống kê của ITC

Nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Malaysia

Theo thống kê của ITC, nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Malaysia trong 5 tháng đầu năm 2026 đạt 97,1 tỷ USD, tăng 75,7% so với cùng kỳ năm 2025. Mỹ là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 85 của Malaysia, chiếm 25,8% tỷ trọng. Tiếp đến là Singapore, Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan...

Việt Nam là thị trường lớn thứ 8 nhập khẩu nhóm hàng mã HS 85 của thị trường Malaysia trong 5 tháng đầu năm 2026 đạt 3,22 tỷ USD, tăng 68,4% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 3,3% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Malaysia. Mặc dù tỷ trọng của Việt Nam giảm nhẹ so với mức 3,5% trong cùng kỳ năm 2025, kim ngạch vẫn tăng mạnh, cho thấy nhu cầu nhập khẩu nhóm hàng máy điện, thiết bị điện và linh kiện từ Malaysia tiếp tục được mở rộng.

Bảng 10: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Malaysia sang các thị trường trong 5 tháng đầu năm 2026

Thị trường	5 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			5 tháng năm 2026	5 tháng năm 2025
Tổng	97.135.131	75,7	100,0	100,0
Mỹ	25.087.415	120,4	25,8	20,6
Singapore	14.763.658	42,3	15,2	18,8
Hồng Kông	12.702.820	76,1	13,1	13,0
Trung Quốc	10.246.161	58,5	10,5	11,7
Đài Loan	9.591.045	107,8	9,9	8,4
Hà Lan	3.510.488	157,8	3,6	2,5
Thái Lan	3.217.600	76,1	3,3	3,3
Việt Nam	3.216.831	68,4	3,3	3,5
Mêhicô	2.899.742	188,5	3,0	1,8
Nhật Bản	2.165.744	43,6	2,2	2,7
Đức	1.782.940	8,8	1,8	3,0
Hàn Quốc	1.387.940	18,4	1,4	2,1
Ấn Độ	1.012.116	30,2	1,0	1,4
Ai Len	777.406	639,9	0,8	0,2
Pháp	672.118	160,4	0,7	0,5
Philippin	623.783	35,9	0,6	0,8
Cộng Hoà Séc	407.380	23,3	0,4	0,6
Indonesia	375.678	22,5	0,4	0,6

Nguồn: Theo thống kê của ITC

*** So sánh năng lực cung ứng trong khối:**

Phân tích thực trạng chuỗi cung ứng giữa các quốc gia thành viên CPTPP cho thấy sự chênh lệch rõ rệt về trình độ chế tạo máy móc và thiết bị phụ tùng. Nhật Bản tiếp tục dẫn đầu về độ bền công nghệ và hàm lượng chất xám cao, Malaysia sở hữu lợi thế vượt trội về hệ sinh thái sản xuất linh kiện vi mạch điện tử, Mêhicô định hình thế mạnh ở phân khúc cơ khí hạng nặng và công nghiệp ô tô. Trong khi đó, năng lực sản xuất của Việt Nam hiện nay chủ yếu vẫn tập trung ở các cấu kiện cơ khí tiêu chuẩn có giá trị gia tăng thấp như đồ gá, khuôn mẫu cơ bản và vỏ máy. Sự phân bậc

này đang đặt ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam trước áp lực cạnh tranh gay gắt ngay tại thị trường nội địa.

Nguy cơ dịch chuyển thị phần của các doanh nghiệp cơ khí nội địa ngày càng rõ nhất là dưới tác động từ lộ trình cắt giảm thuế quan của Hiệp định CPTPP. Khi thuế suất nhập khẩu đối với mặt hàng máy móc, phụ tùng từ các thị trường phát triển như Nhật Bản và Malaysia giảm sâu về mức 0%, các doanh nghiệp sản xuất và khối doanh nghiệp FDI tại Việt Nam sẽ có xu hướng ưu tiên lựa chọn thiết bị đồng bộ nhập khẩu thay vì sử dụng sản phẩm cung ứng trong nước. Thực tế này tạo ra áp lực cạnh tranh lớn, buộc các nhà sản xuất của Việt Nam phải chủ động cải tiến chất lượng và tối ưu hóa chi phí vận hành nếu không muốn bị giảm sút năng lực cạnh tranh và mất dần thị phần ngay tại thị trường trong nước.

III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG

Trong 6 tháng cuối năm 2026, hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng từ các quốc gia thành viên CPTPP vào Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định. Xu hướng tăng trưởng này được thúc đẩy bởi ba yếu tố chính gồm nhu cầu đổi mới công nghệ của nền sản xuất nội địa, tác động từ lộ trình thuế suất giảm về 0% và áp lực giải ngân thiết bị đồng bộ của làn sóng FDI. Đồng thời, cơ chế cộng gộp xuất xứ linh hoạt của hiệp định cũng đóng vai trò then chốt giúp tối ưu hóa quy trình luân chuyển linh kiện giữa Việt Nam và các nước thành viên trong chuỗi cung ứng công nghệ cao.

Đáng chú ý, xu thế chuyển đổi xanh và phát triển bền vững đang trở thành động lực mới cho nhập khẩu thiết bị trong giai đoạn cuối năm 2026. Dưới áp lực từ các hàng rào kỹ thuật xanh của quốc tế như cơ chế điều chỉnh biên giới carbon - CBAM và định hướng chiến lược Net Zero của Chính phủ, các doanh nghiệp tại Việt Nam bắt buộc phải đẩy nhanh lộ trình xanh hóa quy trình sản xuất.

Xu hướng này kích cầu mạnh mẽ hoạt động nhập khẩu các phân khúc máy móc thế hệ mới có hiệu suất năng lượng cao, thiết bị kiểm soát phát thải, hệ thống tự động hóa giảm tiêu hao nguyên liệu và các cấu kiện phục vụ ngành năng lượng tái tạo. Đây là những lĩnh vực mà các đối tác CPTPP như Nhật Bản và Singapore sở hữu lợi thế công nghệ vượt trội, tạo ra một làn sóng dịch chuyển dòng máy móc công nghệ xanh

đưa vào Việt Nam thông qua các ưu đãi thuế quan. Tuy nhiên, bối cảnh nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 2026 cũng đối mặt với những rủi ro về áp lực chi phí tăng nhất là chi phí logistics hàng hải tăng cao. Gánh nặng chi phí vận tải xuyên Thái Bình Dương dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài tình trạng hạn chế số liệu nhập khẩu từ các thị trường có địa lý xa như Mêhicô, Canada...

Trong thời gian tới, về cơ cấu nhập khẩu mặt hàng máy móc phụ tùng thiết bị khác các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục ưu tiên nhập khẩu các dòng máy thiết bị có giá trị công nghệ cao, hỗ trợ tự động hóa và tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng tiêu chuẩn xanh ngày càng khắt khe của thị trường xuất khẩu.

Về cơ cấu thị trường, cần tiếp tục duy trì các nguồn cung chủ lực gồm Nhật Bản, Malaysia và Singapore tiếp tục giữ vững vị thế các thị trường cung ứng công nghệ nguồn cốt lõi, nguồn cung linh kiện điện tử, vi mạch bán dẫn và phụ tùng cơ khí chính xác hàng đầu. Đồng thời mở rộng hợp tác với các thị trường CPTPP mới nổi như thị trường Anh, Mêhicô, Canada, để tối ưu chi phí nhập khẩu.

Ngoài ra, việc đa dạng hóa nguồn cung trong khối CPTPP sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào các thị trường truyền thống, hạn chế tối đa tác động từ các bất ổn địa chính trị hay sự đứt gãy của chuỗi logistics đơn lẻ. Chiến lược này đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tối ưu hóa giá thành đầu vào thông qua việc so sánh chi phí và khai thác triệt để lộ trình thuế suất 0% từ nhiều quốc gia thành viên khác nhau.

Phụ trách theo dõi nhiệm vụ

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Nguyễn Thị Hồng Thanh